

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đĩnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Diễm Sương

2. Ông **Nguyễn Văn Vũ**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày **12** tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 298/2019/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 30/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số **119/2019/QĐST-HNGĐ**, ngày **21/10/2019** giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Hồ Thị M, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Lâm Văn Đ, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2019 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị ai trình bày:* Chị và anh Lâm Văn Đ tự nguyện kết hôn trên cơ sở quen biết, tổ chức đám cưới năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M (Nay là huyện M), tỉnh B vào ngày 27/4/2001. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng nhau nhà ở ấp T, xã T, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau anh Đ thay đổi tính tình hay bạo lực gia đình và nhiều lần bỏ nhà đi và đến năm 2015 anh Đ đi về nhà ruột ở xã T sống không về nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chị và anh ước được gia đình chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, nay chị xin ly hôn với anh Lâm Văn Đ. Về con chung: có 02 con chung tên Lâm Thị Mộng H, sinh năm 1994 và Lâm Vĩnh K, sinh năm 2000 cả hai đã trưởng thành. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị M trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Vì bận đi làm xa nên chị xin vắng mặt trong những lần Tòa án mời.

*Bị đơn anh Lâm Văn Đ vắng mặt vào những lần Tòa án mời nên không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn anh Lâm Văn Đ hiện đang sinh sống tại xã T, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị M đối với anh Lâm Văn Đ, thấy rằng: Về hôn nhân: Chị Hồ Thị M và anh Lâm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa chị M và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị M cho rằng anh Đ thay đổi tính tình hay bạo lực gia đình và nhiều lần bỏ nhà đi và đến năm 2015 anh Đ đi về nhà ruột ở xã T sống không về nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chị và anh Đ được gia đình chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Khoảng thời gian sống ly thân khá dài và được gia đình hàn gắn nhưng không thành, bản thân anh chị cũng không muốn níu giữ hạnh phúc thể hiện qua việc anh Đ được không muốn tham gia hòa giải tại Tòa án nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân của anh chị đã không thể hàn gắn được vì đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ. Về con chung: Lâm Thị Mộng H, sinh năm 1994 và Lâm Vĩnh K, sinh năm 2000 cả hai đã trưởng thành nên không đề cập. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị M trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Hồ Thị M phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

[1] *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị M.

Chị Hồ Thị M được ly hôn với anh Lâm Văn Đ.

[2] *Về con chung*: Lâm Thị Mộng H, sinh năm 1994 và Lâm Vĩnh K, sinh năm 2000 cả hai đã trưởng thành nên không đề cập.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Chị Hồ Thị M trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Hồ Thị M phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005410 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B nên không còn phải nộp thêm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Thành Thới B, số 11, quyển số 01, ngày 27/4/2001 (01b);
- Lưu:Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đĩnh**